



Bảng Mã Ascii Có Bao Nhiêu Ký Tự?

Bộ ký tự ASCII và codec ký tự dựa trên bảng chữ cái Latinh được sử dụng trong tiếng Anh hiện đại và các ngôn ngữ Tây Âu khác. Hãy cùng xem **bảng mã ascii có bao nhiêu ký tự** và các giải pháp hàng đầu qua bài viết này nhé!

Tham khảo: [So Sánh Vô Tụ Điện Trong Nhà Và Vô Tụ Điện Ngoài Trời](#)

1. Bảng mã ASCII là gì? Bảng mã ascii có bao nhiêu ký tự?

- ASCII là viết tắt của American Standard Code for Information Interchange và các ngôn ngữ Tây Âu khác.

- Thông thường bảng mã này dùng để lập trình, đặc biệt là các mã liên quan đến điều khiển rô bốt... vì tất cả các chương trình điều khiển đều nhận thông tin qua các mã ASCII này để xử lý.

Quảng cáo

Quảng cáo này sẽ kết thúc vào ngày 10

00: 04/00: 06

xem thêm

X

- Bảng mã ASCII sử dụng 7 số nhị phân (số thập phân từ 0 đến 127) để biểu diễn thông tin về các ký tự. Thông thường mã này được sử dụng để lập trình, đặc biệt là những gì liên quan đến điều khiển robot, v.v.

- Năm 1963, Hiệp hội Tiêu chuẩn Hoa Kỳ (ASA), sau đổi thành ANSI. Bảng mã ASCII đã được công bố chính thức trên toàn thế giới.

Có nhiều biến thể của mã hóa ASCII, phổ biến nhất là ANSI X3.4-1986, được tiêu chuẩn hóa bởi Hiệp hội các nhà sản xuất máy tính Châu Âu.

Tham khảo: [Bảng Tra Thông Số Aptomat](#)

Nó cũng được coi là tiêu chuẩn phần mềm phổ biến và thành công nhất mọi thời đại.

2. Bảng mã ASCII tiêu chuẩn

Hệ 2 (Nhị phân)	Hệ 10 (Thập phân)	Hệ 16 (Thập lục phân)	Đồ hoạ (Hiển thị ra được)
010 0000	32	20	Khoảng trống
010 0001	33	21	!
010 0010	34	22	"
010 0011	35	23	#
010 0100	36	24	\$
010 0101	37	25	%
010 0110	38	26	&
010 0111	39	27	'
010 1000	40	28	(
010 1001	41	29)
010 1010	42	2A	*
010 1011	43	2B	+
010 1100	44	2C	,
010 1101	45	2D	-
010 1110	46	2E	.
010 1111	47	2F	/
011 0000	48	30	0
011 0001	49	31	1
011 0010	50	32	2
011 0011	51	33	3
011 0100	52	34	4
011 0101	53	35	5
011 0110	54	36	6
011 0111	55	37	7
011 1000	56	38	8
011 1001	57	39	9
011 1010	58	3A	:
011 1011	59	3B	;
011 1100	60	3C	<
011 1101	61	3D	=
011 1110	62	3E	>
011 1111	63	3F	?

100 0000	64	40	@
100 0001	65	41	A
100 0010	66	42	B
100 0011	67	43	C
100 0100	68	44	D
100 0101	69	45	E
100 0110	70	46	F
100 0111	71	47	G
100 1000	72	48	H
100 1001	73	49	I
100 1010	74	4A	J
100 1011	75	4B	K
100 1100	76	4C	L
100 1101	77	4D	M
100 1110	78	4E	N
100 1111	79	4F	O
101 0000	80	50	P
101 0001	81	51	Q
101 0010	82	52	R
101 0011	83	53	S
101 0100	84	54	T
101 0101	85	55	U
101 0110	86	56	V
101 0111	87	57	W
101 1000	88	58	X
101 1001	89	59	Y
101 1010	90	5A	Z
101 1011	91	5B	[
101 1100	92	5C	\
101 1101	93	5D]
101 1110	94	5E	^
101 1111	95	5F	_
110 0000	96	60	`
110 0001	97	61	a
110 0010	98	62	b
110 0011	99	63	c
110 0100	100	64	d
110 0101	101	65	e
110 0110	102	66	f
110 0111	103	67	g
110 1000	104	68	h
110 1001	105	69	i
110 1010	106	6A	j
110 1011	107	6B	k
110 1100	108	6C	l
110 1101	109	6D	m
110 1110	110	6E	n

110 1111	111	6F	o
111 0000	112	70	p
111 0001	113	71	q
111 0010	114	72	r
111 0011	115	73	s
111 0100	116	74	t
111 0101	117	75	u
111 0110	118	76	v
111 0111	119	77	w
111 1000	120	78	x
111 1001	121	79	y
111 1010	122	7A	z
111 1011	123	7B	{
111 1100	124	7C	
111 1101	125	7D	}
111 1110	126	7E	~

Tham khảo: [Bảng Điện Có Chức Năng Gì? Hướng Dẫn Lắp Bảng Điện Gia Đình Đúng Cách, Đảm Bảo An Toàn](#)

3. Bảng mã ASCII mở rộng

- Với sự phát triển của kỹ thuật và công nghệ thông tin, máy tính ngày càng xuất hiện nhiều trên thế giới. Với sự phát triển của ngôn ngữ, các ký tự lạ xuất hiện nhiều hơn, vì vậy sự ra đời của bảng mã ASCII mở rộng là điều tất yếu.

- Bảng mã ASCII mở rộng (bảng mã ASCII 256 ký tự) là bảng mã có khả năng mã hóa 256 ký tự, trong đó có 128 ký tự của bảng mã ASCII chuẩn, các ký tự còn lại là chữ có dấu, ký tự trang trí và các phép toán.

Tham khảo: [Bảng Chọn Tiết Điện Dây Dẫn Theo Dòng Điện](#)

- Không giống như bảng mã ASCII tiêu chuẩn, bảng mã Extended ASCII sử dụng tới 8 bit để biểu diễn thông tin, điều này giúp ngôn ngữ dễ xuất hiện trên máy tính hơn, thị trường máy tính ngày càng trở nên phổ biến.

-
-
-
-

4. Bảng mã ASCII sử dụng như thế nào?

Nó là một mã sử dụng số để đại diện cho các ký tự. Mỗi chữ cái được gán một số từ 0 đến 127. Các ký tự viết hoa và viết thường được gán các số khác nhau. Ví dụ: ký tự A được gán số thập phân 65 và a được gán số thập phân 97, như được hiển thị trong bảng ASCII bên dưới. Khi máy tính của bạn gửi dữ liệu, các phím bạn nhấn hoặc văn bản bạn gửi và nhận sẽ được gửi dưới dạng một chuỗi số. Những con số này đại diện cho các ký tự mà bạn nhập hoặc tạo. Vì ASCII tiêu chuẩn có phạm vi từ 0 đến 127, nó chỉ yêu cầu 7 bit hoặc 1 byte dữ liệu. Ví dụ, để gửi chuỗi wikimaytinh.com dưới dạng ASCII, máy tính sẽ chuyển đổi các số thành các số 119 105 107 105 109 97 121 116 105 110 104 46 99 111 109. Sau đó, bộ xử lý sẽ chuyển đổi các số này thành các số khác. Bit và byte Một mã nhị phân mà máy tính có thể hiểu được. Đối với máy tính, mọi thứ đều là một chuỗi các bit.

Tham khảo: [Amc Là Gì? Amc Viết Tắt Của Từ Gì?](#)

5. Một số lưu ý khi sử dụng bảng mã ASCII

Đối với bảng mã ASCII, chúng ta có những lưu ý sau: Có các ký tự đặc biệt trong bảng mã: các ký tự từ 0 đến 32 thập phân không hiển thị trên màn hình mà chỉ được in trong DOS.

Ngoài ra, một số ký tự sẽ được thực thi theo lệnh của bạn và không được hiển thị dưới dạng văn bản. Ví dụ, các ký tự BEL (0000111) là tiếng bíp mà bạn nghe thấy. Mã hóa ASCII mở rộng có nhiều biến thể khác nhau, khác nhau ở các ngôn ngữ khác nhau

Trên đây là những thông tin giúp bạn trả lời câu hỏi **bảng mã ascii có bao nhiêu ký tự?** Cảm ơn bạn đã theo dõi bài viết của chúng tôi.

Bạn vừa xem: [Bảng Mã Ascii Có Bao Nhiêu Ký Tự?](#)

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ với [MAX ELECTRIC VN](#)